

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 629/2024/DS-ST
Ngày: 28-8-2024
V/v “T/c hợp đồng Tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Văn Đẹp

2/ Ông Phạm Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:
Bà Phùng Thị Ngọc Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 337/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 364/2024/QĐXX-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 257/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Ngân hàng TMCP S1)

Địa chỉ trụ sở: 266-268 Đường N, phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Đức Thạch D-Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Ngọc T-chức vụ: Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty S2) (Theo Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022 về việc khởi kiện các hồ sơ liên quan đến Thẻ Tín dụng và Tín dụng tiêu dùng). Địa chỉ nhận thông báo: 278 N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người được ủy quyền lại là ông Lã Ngọc M-chức vụ: Nhân viên Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty S2) (Giấy ủy quyền số 1315/2023/UQ-TGD ngày 08/5/2023) (có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: 1 tổ C, khu phố B, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Thường trú: 99 ấp F, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 5 năm 2023 của nguyên đơn và người đại diện ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Ngọc M trình bày:

Ngày 10/11/2017, ông Lê Văn N có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 472075-545 với hạn mức sử dụng là 30,000,000 với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 48.419.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 29.732.122 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện Nhất hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/06/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện Nhất hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 35,342,411 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Mặc dù, Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông N, yêu cầu ông N có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông N trả nợ, tuy nhiên ông N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, nay Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn N phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày tạm tính đến ngày 10/5/2023 cụ thể: Dư nợ gốc: 35.342.411 đồng, L quá hạn: 54.709.920 đồng. Tổng cộng 90.052.331 đồng.

Đến ngày xét xử sơ thẩm 28/08/2024, Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông N thanh toán gốc và lãi là 108,136,999 đồng (*Bằng chữ: Một trăm lẻ tám triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng.*

Trong đó: Nợ gốc : 35,342,411 đồng; Lãi quá hạn: 72,794,588 đồng .

Ông Lê Văn N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/08/20 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Đối với bị đơn ông Lê Văn N, đã được Tòa án Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, ông N không có mặt. Nên Tòa án lập biên bản ghi nhận ý kiến của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Ông N phải chịu hậu quả do không có mặt và không giao nộp chứng cứ chứng minh thì Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ việc theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 30, Điều 35, Điều 39 về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, chấp hành đúng thời hạn gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Bị đơn vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án nên chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Đại diện ủy quyền lại của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, hợp lệ; Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin vắng mặt của đại diện ủy quyền của nguyên đơn theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn ông Lê Văn N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

2.1 Nguyên đơn khởi kiện ông Lê Văn N thanh toán nợ từ hợp đồng Tín dụng, đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự.

2.2 Tại thời điểm bị đơn ông Lê Văn N ký hợp đồng với Ngân hàng TMCP S thì địa chỉ ghi trong “Giấy đề nghị cấp thẻ Tín dụng kèm hợp đồng” ngày

10/11/2017 thể hiện địa chỉ 99 ấp F, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a, b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, thẩm quyền thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

3.1 Xét yêu cầu của nguyên đơn; Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ Tín dụng bị đơn ông Lê Văn N ký ngày 10/11/2017, xác định giữa Ngân hàng và chủ thẻ ông Lê Văn N có thỏa thuận về việc cấp và sử dụng thẻ Tín dụng với hạn mức sử dụng mong muốn là 30.000.000 đồng và lãi suất trong hạn, quá hạn, phí theo bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ Tín dụng của Ngân hàng là một phần không thể tách rời của Giấy đề nghị cấp Thẻ Tín dụng. Việc thỏa thuận giữa các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ của các bên.

3.2 Tại bản tự khai ngày 28/8/2024; đại diện ủy quyền lại của Ngân hàng yêu cầu: bị đơn ông N phải thanh toán khoản nợ tổng số tiền 108.136.999 đồng. Trong đó, nợ gốc : 35.342.411 đồng; Lãi quá hạn: 72.794.588 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm và ông Văn Nhất có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/08/20 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng; Căn cứ vào bản sao kê chi tiết tính lãi của ông Lê Văn N có số thẻ 472075-545, trong quá trình sử dụng thẻ ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng, ngày 24/8/2022 Ngân hàng đã thông báo khởi kiện ông N, ông N vẫn không thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền nào. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông N trả số tiền gốc theo Hợp đồng Tín dụng là có cơ sở chấp nhận.

3.3 Về Lãi suất: Xét các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng theo Cấp Thẻ Tín dụng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn (2,6%/tháng x 150%=3,9%/tháng) tại Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ Tín dụng của Ngân hàng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010 như sau: “..Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

[4] Về phía bị đơn ông Lê Văn N được Tòa án tổng đạt, niêm yết và thông báo kết quả hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng vắng mặt không có lý do, nên phải chịu hậu quả do không có mặt và không giao nộp chứng cứ chứng minh thì Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ việc theo Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, nguyên đơn không phải chịu án phí

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các 463 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S.

Buộc ông Lê Văn N phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền là 108.136.999 đồng (một trăm lẻ tám triệu một trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm chín mươi chín đồng). Trong đó, nợ gốc : 35.342.411 đồng; Lãi quá hạn: 72.794.588 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm

Kể từ ngày 29/8/2024 cho đến khi thi hành xong, ông Lê Văn N tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho đến khi thanh toán xong số nợ cho Ngân hàng TMCP S.

2/ Về án phí:

Ông Lê Văn N phải chịu 5.406.850đ (năm triệu bốn trăm lẻ sáu ngàn tám trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.251.308đ (hai triệu hai trăm năm mươi một ngàn ba trăm lẻ tám đồng) theo biên lai số AA/2022/ 0016470 ngày 06/6/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành các khoản tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND. Tp HCM;
- Cục THADS. H HM;
- Phòng KTNV. TATp HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thúy Nga